

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày: 01 - 7 - 2021

V/v tranh chấp thừa kế, hủy Quyết
định cá biệt.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC – TỈNH NGHỆ AN
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thê - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Vinh
2. Ông Lê Quang Hòa

Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc – tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 65/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp thừa kế và hủy quyết định cá biệt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXX-ST ngày 01/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/QĐST-DS ngày 17/6/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 19/TB-TA ngày 21/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1948; Địa chỉ: đường Tạ Quang Bửu, khối 250 phường Q, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th – sinh năm 1952; Địa chỉ: xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đình L – Phó Chủ tịch UBND xã P –theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 về việc ủy quyền tham gia vụ án tranh chấp thừa kế và hủy quyết định cá biệt. Vắng mặt.

- Ông Đậu Xuân Đ – sinh năm 1957; Địa chỉ: xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bà Đậu Thị L – sinh năm 1960; Địa chỉ: xóm 7 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bà Đậu Thị H – sinh năm 1966; Địa chỉ: xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Ông Nguyễn Đình P – sinh năm 1949; Địa chỉ: xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Anh Đậu Văn M – sinh năm 1976; Địa chỉ: xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Anh Đậu Văn B – sinh năm 1983; Địa chỉ: xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Chị Mai Thị Ng – sinh năm 1977 (có mặt) và các cháu Đậu Xuân H – sinh năm 2002 (vắng mặt), Đậu Thị Huyền Tr – sinh năm 2004 (vắng mặt); Đều có địa chỉ: xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nga, cháu H, cháu Tr: bà Nguyễn Thị Th – sinh năm 1952; địa chỉ: xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Chị Đậu Thị H1 – sinh năm 1972; Địa chỉ: Lạc Long Quân, phường 5 Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Chị Đậu Thị H2 – sinh năm 1974; Địa chỉ: khối Q, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Chị Đậu Thị L1 – sinh năm 1978; Địa chỉ: khối L, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Chị Đậu Thị Bích N – sinh năm 1981 Địa chỉ: khối T, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Anh Đậu Xuân Ng – sinh năm 1976; Địa chỉ: khối L, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Đình H – sinh năm 1977; Địa chỉ: xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H3 – sinh năm 1974; Địa chỉ: xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị L2 – sinh năm 1980; Địa chỉ: xóm Thái Thọ xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H4 – sinh năm 1982; Địa chỉ: xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Đình H1 – sinh năm 1987; Địa chỉ: xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Anh Mai Văn Tr - sinh năm 1976; Địa chỉ: xóm 4 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Cháu Nguyễn Trần Hoài Th - sinh năm 2007 (người đại diện là chị Trần Thị Lê H - sinh năm 1981 - mẹ đẻ). Không xác định được địa chỉ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong các Đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2020, ngày 30/8/2020 và ngày 14/4/2021, lời khai quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T (để phân biệt với bị đơn, trong bản án viết tắt là bà T) trình bày:

Bà là vợ ông Đậu Xuân H (ông H là con trai cả của các cụ Đậu Xuân Tr và Nguyễn Thị T – thường gọi là các cụ H theo tục gọi theo tên con cả). Ông H mất năm 2000 do tai nạn giao thông, không để lại di chúc và cũng không để lại khoản nợ nào. Vợ chồng bà sinh được 5 người con là Đậu Xuân Ng, Đậu Thị H1, Đậu Thị H2, Đậu Thị L1 và Đậu Thị Bích N.

Cụ Tr mất năm 1989, cụ T mất năm 2002 đều không để lại di chúc và cũng không để lại khoản nợ nào. Các cụ sinh được 6 người con gồm: ông H, ông Đậu Minh T (đã mất năm 2015, có vợ là bà Nguyễn Thị Th và 3 con Đậu Xuân Q, Đậu Văn M và Đậu Văn B), Đậu Xuân Đ, Đậu Thị L3 (đã mất năm 2019, có chồng là ông Nguyễn Đình P và 6 người con), Đậu Thị L, Đậu Thị H. Sinh thời các cụ sống trên thửa đất 162, tờ bản đồ số 5 diện tích 1870m² (gồm 200m² đất ở và 1670m² đất vườn) đã được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCNQSD đất số Seri H442391, ngày 25/10/1997 mang tên cụ Nguyễn Thị H. Sau khi cụ T mất, do con cái đều ở riêng nên đến năm 2007 ông Đ đã tháo dỡ nhà của các cụ và trồng lúa, hoa màu trên đất các cụ. Chính vì thế mà vào năm 2009, đoàn đo đạc bản đồ địa chính đã tự ý tách thửa đất của các cụ thành 2 thửa là thửa 696 (diện tích 1681m², quy loại đất LUK) và thửa 653 (diện tích 2886m², quy loại đất ONT) trong khi các cụ chỉ có đất ở và đất vườn.

Trong phần kết luận của Báo cáo số 20/BC-UB ngày 24/3/2021, UBND xã P cho rằng phía Tây thửa đất có đo một phần đất hành lang giao thông của UBND xã quản lý nhưng thực tế phía Tây thửa đất là ruộng mà không phải là đường nên bà yêu cầu tòa án hủy nội dung này của báo cáo. Mặc dù khuôn viên đất từ khi bà bắt đầu về làm dâu (năm 1970) đến nay vẫn không có gì thay đổi cả nhưng bà vẫn chấp nhận việc xã sử dụng đất phía trước để làm hành lang đường giao thông và đề nghị Tòa án phân định cụ thể nhưng hành lang đó phải thẳng hàng cùng với hành lang những thửa đất khác liền kề và có chiều sâu khoảng 7m với diện tích nhỏ hơn (khoảng hơn 490m²) so với diện tích đất 652,2m² mà UBND xã P đã xác định.

Năm 2010-2011, do không ai trực tiếp sử dụng đất nên bà đã đứng ra tổ chức việc xây nhà thờ trên đất cha mẹ, việc hương khói có ông Đ và bà Th (vợ ông T) thực hiện thường xuyên vì ở gần đó nhưng hiện nay gia đình đã tiến hành xây nhà thờ mới nên sẽ tiến hành tháo dỡ ngôi nhà thờ cũ. Gia đình cũng đã nhiều lần họp bàn phân chia tài sản của các cụ nhưng kể từ sau khi ông T mất, vợ con ông T không chịu ký hồ sơ để làm thủ tục nên đến nay vẫn chưa thể phân

chia được. Do vậy, bà đề nghị tòa án phân chia thừa kế tài sản của các cụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trên đất còn có 01 khu lăng mộ do anh Mai Văn Tr xây dựng và quản lý. Trước đây, khi các cụ còn sống, gia đình anh Tr vẫn thường tới để thắp hương mà các cụ không cản trở, không có ý kiến gì. Vào ngày 07/9/2020, anh Tr và gia đình bà đã thỏa thuận cho anh Tr xây lăng mộ với kích thước là 3,5mx3,5m, song trên thực tế anh Tr đã xây hết 15m² (3,49mx4,37m) thì bà vẫn chấp nhận theo diện tích đã xây. Bà đồng thuận trích lối đi vào mộ cho anh Tr với chiều rộng là 0,7m còn chiều dài kéo từ mộ ra đường bờ ở phía Tây Bắc thửa đất, giáp ranh với thửa đất nông nghiệp 654, diện tích như thế nào thì đề nghị Tòa án tính toán cụ thể.

Bà đề nghị phân chia thừa kế theo hướng:

- Trích khoảng 100m² đất làm nhà thờ ở vị trí đã xây nhà thờ mới từ thời gian tháng 02/2021 âm lịch. Phần đất này ông Đậu Xuân Đ sẽ đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền do hiện nay con trai các cụ chỉ còn ông Đ đang sống.

- Phần đất còn lại chia thành 6 phần: 01 phần chia cho những người thừa kế của ông H; 01 phần chia cho những người thừa kế của ông T; 01 phần chia cho ông Đ; 01 phần bán để trang trải các chi phí xây nhà thờ + nghĩa trang gia đình; 02 phần còn lại chia cho bà H, bà L, những người thừa kế của bà L3 và anh Ng.

Bà cũng đồng ý nhận kỷ phần do người khác nhường và chịu trách nhiệm đảm bảo quyền lợi cho họ. Đối với kỷ phần của anh Ng (con trai bà) thì bà đề nghị được nhận và giao lại tiền cho anh Ng tương ứng với diện tích đất mà anh Ng được chia.

- Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Th (trong bản án viết tắt là bà Th) trình bày:

Bà và ông Đậu Minh T – tên gọi khác là Đậu Văn T (con trai thứ hai của cụ T cụ Tr) kết hôn năm 1973, sinh được 3 người con là Đậu Xuân Q, Đậu Văn M và Đậu Văn B. Ông T mất năm 2015 không để lại di chúc, không để lại khoản nợ nào. Năm 2007, anh Q mất (anh Q có vợ là Mai Thị Ng, 2 con Đậu Thị Huyền Tr và Đậu Xuân H) cũng không có di chúc và khoản nợ nào.

Cụ Tr, cụ T mất không để lại di chúc, không để lại khoản nợ nào.

Sinh thời, các cụ sinh sống trên thửa đất 162 theo khuôn viên, diện tích nguyên thổ và hiện nay đúng như trình bày của bà T. Theo bà, UBND xã P cho đo bản đồ địa chính, tách thửa đất, xác định mục đích sử dụng đất cũng như quản lý 1 phần đất các cụ là hoàn toàn sai, bà không chấp nhận và bà T khởi kiện hủy quyết định cá biệt của UBND xã P là đúng. Bà đồng ý việc trích đất phía trước làm hành lang đường theo chiều sâu là 7m nhưng phải phân định cụ thể rõ ràng ranh giới. Đối với ngôi lăng mộ anh Tr đã xây dựng trên đất thì bà chỉ chấp nhận theo thực tế đã xây dựng và không đồng ý trích lối đi cho anh Tr vì pháp luật không quy định về vấn đề này.

Bà không đồng ý phương án phân chia thừa kế như bà T đề xuất mà yêu cầu Tòa án phân chia theo pháp luật. Tuy nhiên, trước khi chia cần trích phần

diện tích đất làm nhà thờ mới (hiện đang xây dang dở) vì đây là tâm huyết và công sức của con cháu các cụ nhưng. Đối với kỷ phần của bà, 02 cháu H, Tr và con trai út là B thì đề nghị Tòa án nhập chung, còn kỷ phần của anh M thì bà đề nghị chia riêng cho anh M.

- *Lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, Đơn xin xét xử vắng mặt và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đậu Xuân Đ, bà Đậu Thị H, bà Đậu Thị L* thừa nhận về di sản, hàng - diện thừa kế như trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác. Với tư cách là người đồng thừa kế, ông Đ, bà L, bà H đồng ý phân chia thừa kế như phương án bà T đã nêu. Các ông bà đề nghị được giao toàn bộ phần thừa kế được hưởng lại cho bà T. Các ông bà đều nhất trí trích đất lăng mộ và lối đi vào lăng mộ của gia đình anh Tr cũng như yêu cầu hủy Quyết định cá biệt, phân định ranh giới đất hành lang giao thông như ý kiến của bà T. Việc xây dựng nhà thờ mới mặc dù không xin phép chính quyền địa phương nhưng toàn thể gia đình đều đã quyết định và chung tay góp sức xây dựng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình P* đồng nhất ý kiến với nội dung bà T, bà Th, ông Đ, bà L, bà Hưng trình bày. Ông và bà Đậu Thị L3 (con gái cụ T, cụ Tr) kết hôn sinh được 6 người con là Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Đình L, Nguyễn Đình H, Nguyễn Đình H1, Nguyễn Thị H4. Năm 2015, anh L mất không để lại di chúc, không có khoản nợ nào. Anh L có vợ là chị Trần Thị Lê H và con gái là Nguyễn Trần Hoài Th (sinh năm 2007); tuy nhiên, sau khi anh L mất, chị H cắt đứt liên lạc với nhà nội nên gia đình ông không biết hiện gia đình bên ngoại cũng như cháu Th, chị H ở đâu, làm gì. Năm 2018 bà L3 mất không để lại di chúc, không có khoản nợ nào; các con H3, L2, H, H1, H4 thì đều giao phần được hưởng thừa kế của bà L3 lại cho ông toàn quyền sử dụng, sở hữu thì ông nhất trí. Khi bà L3 còn sống cũng đã họp bàn về việc phân chia tài sản và bà L3 đã nhiều lần thống nhất giao phần thừa kế của bà lại cho bà T. Ông cũng đã thay mặt các con cháu nhận và quản lý số tiền 300.000.000 đồng phân chia di sản do bà T giao nên nay ông xin nhường lại kỷ phần thừa kế của bà L3 lại cho bà T như nguyện vọng của bà L3 lúc còn sống. Ngoài ra, ông hoàn toàn đồng thuận với lời trình bày của bà T trong các vấn đề cần giải quyết của vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Văn M* trình bày: Về đất đai cũng như cách phân chia tài sản thừa kế của ông bà nội thì anh hoàn toàn đồng thuận với ý kiến của bà T. Phần thừa kế anh được hưởng từ kỷ phần của ông T thì anh xin giao lại cho bà T toàn quyền sử dụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Đậu Xuân H, cháu Đậu Thị Huyền Tr* (người đại diện là chị Mai Thị Ng - mẹ đẻ) trình bày: cháu H và cháu Tr là con của anh Đậu Xuân Q (con trai cả của ông T). Anh Q mất năm 2007 không để lại di chúc và không có khoản nợ nào. Cháu H và cháu Tr ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Th và đề nghị giao kỷ phần thừa kế thế vị cho bà Th toàn quyền sử dụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đậu Thị H1, chị Đậu Thị L1, chị Đậu Thị Bích N (vắng mặt), chị Đậu Thị H2 (có mặt) thống nhất trình bày:* các chị là con gái của ông H và bà T. Ông H mất năm 2000 không để lại di chúc và khoản nợ nào. Các chị xin nhường toàn bộ phần thừa kế mình được hưởng của cha (ông H) lại cho mẹ là bà T toàn quyền sử dụng.

- *Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình H, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị L2, chị Nguyễn Thị H4, anh Nguyễn Đình H1 trình bày:* các anh chị là con của ông Nguyễn Đình P và bà Đậu Thị L3. Bà L3 mất năm 2019 không để lại di chúc và khoản nợ nào. Trước khi mất, bà L3 đã tham gia họp bàn phân chia thừa kế tài sản của ông bà ngoại các anh chị và đồng ý nhận thừa kế bằng tiền từ bà T và ông P là người đã nhận, quản lý số tiền 300.000.000 đồng được phân chia. Các anh chị xin nhường toàn bộ phần thừa kế mình được hưởng lại cho bố là ông P toàn quyền sử dụng, định đoạt.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đậu Xuân Ng, anh Đậu Văn B không hợp tác và không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thu thập lời khai của anh Ng, anh B được.*

- *Ông Nguyễn Đình L, đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (UBND xã P trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:* bản đồ 299 đo bao thửa 162 có diện tích là 39.950m², trong đó thuộc UBND xã quản lý là 16662m², còn lại thuộc về hộ gia đình, cá nhân; không xác định được ranh giới cụ thể đất cụ H trên Bản đồ. Phía trước đất các cụ có bãi cát và lùm cây đại thuộc về đất của UBND xã quản lý tại thửa số 91 + thửa 48 trên bản đồ 299, chưa giao cho ai. Trong hồ sơ địa chính lưu tại xã, cụ H đã được cấp GCNQSD tại thửa 162, tờ bản đồ số 05 diện tích là 200m² đất ở + 1670m² đất vườn tại xóm 5 xã P, không có đất sản xuất nông nghiệp. Khi đo đạc Bản đồ địa chính, tổ đo đạc đã xác định mốc cắm thành 2 thửa 696 và thửa 653 với 2 mục đích sử dụng khác nhau, không có ranh giới nhưng gia đình không có khiếu nại. Trên đất có ngôi nhà thờ nhỏ xây năm 2010-2011 nằm trong hành lang giao thông thuộc quyền quản lý của xã nhưng xã không xử lý vi phạm; xung quanh là bờ rào cây xanh lâu năm. Hiện UBND xã chỉ có thể dựa vào hiện trạng khi đo đạc bản đồ năm 2009 để phân định ranh giới đất của xã với đất thừa kế của các cụ. UBND xã P xác định, phần đất của UBND xã là 652,2m² (thuộc phía Đông của thửa 653). Quá trình quản lý thì đây là đất hoang nên xã chưa đưa vào quy hoạch mục đích sử dụng cụ thể gì. Vì vậy, kết luận tại Báo cáo số 20/BC-UBND ngày 24/3/2021 gửi Tòa án (mà bà T đang yêu cầu hủy của UBND xã P) là hoàn toàn đúng và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Mai Văn Tr trình bày: gia đình anh có 01 ngôi mộ trên thửa đất số 162 (nay là thửa 653) thuộc quyền sử dụng của cụ H. Khi các cụ còn sống, gia đình anh vẫn sử dụng đất để đi vào ngôi mộ và được các cụ đồng thuận, không tranh chấp gì. Năm 2020, gia đình có nguyện vọng xây dựng lăng mộ nên anh đã thỏa thuận với bà T và tiến hành xây

dựng. Anh đề nghị gia đình cụ H chấp nhận với diện tích xây dựng thực tế và trích lối đi vào khu lãng mộ sát với thửa đất nông nghiệp số 654 ở phía Tây bắc thửa 653, chiều rộng là 0,7m kéo dài từ mộ ra đến đường bờ phía Bắc thửa đất.

Những người làm chứng ông Mai Văn Tiến, ông Mai Văn Hà, ông Trần Văn Phiên, ông Nguyễn Đình Lễ, ông Mai Văn Vỹ đều thừa nhận: cụ Tr, cụ H đã sống trên thửa đất 162 từ trước năm 1980; cho đến nay, khuôn viên đất xung quanh của các cụ vẫn không có gì thay đổi, bờ bụi là ranh giới phân biệt đất của các cụ với đất của những chủ sử dụng khác. Khi còn sống, trong khuôn viên đất các cụ không có đất nông nghiệp. Do đặc bản đồ địa chính, đất các cụ bị tách thành 2 thửa với hai mục đích sử dụng khác nhau nhưng trên thực tế, các cụ dựng nhà trên cả 2 thửa đất vì hay di dời nhà để tránh lũ lụt; phần đất trong vườn các cụ trồng cây lấy củi và các loại ngũ cốc. Phía Đông thửa đất giáp đường là rừng cây đại.

Kết quả định giá tài sản ngày 18/11/2020 phản ánh: đất ở có giá 1.500.000 đồng/m²; đất vườn có giá 1.100.000 đồng/m².

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/11/2020 và kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 17/6/2021 phản ánh:

Trên thửa đất 696 (mã LUK) có 4m² thuộc ngôi nhà cấp 4 (thờ tự) xây năm 2010-2011 và 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 36m² (nhà thờ) + 02 đoạn bờ tường xây gạch taplo cao xấp xỉ 1m dài 12,06m+6,09m đang được xây dựng dang dở từ tháng 4/2021. Ngôi nhà và bờ tường gạch taplo đang xây dang dở có phần diện tích nằm ngoài thửa 696 (trên đường đi giữa hai thửa 696 và thửa 711) tính đến thời điểm kiểm tra là 9m².

Trên thửa đất số 653 (mã ONT) có 33m² thuộc ngôi nhà cấp 4 (thờ tự) xây năm 2010-2011, nằm trong phần đất hành lang giao thông mà UBND xã đã xác định.

Tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 06/4/2021 của UBND xã P phản ánh: gộp thửa 653 và thửa 696 tờ bản đồ số 14; thay đổi mã loại đất thửa 696 mã LUK sang mã ONT cùng mã với thửa 653; xác định ranh giới phần diện tích UBND xã quản lý 652,2m² bám trục đường liên xóm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 34; Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 658; Điều 660; Điều 254 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 7

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế theo pháp luật cho những người thừa kế của cụ Tr, cụ T; hủy phần Quyết định cá biệt theo yêu cầu khởi kiện bổ sung; phân định ranh giới đất hàng lang giao thông thuộc phía Đông thửa 653 giao cho UBND xã P quản lý với chiều sâu khoảng 7m như đề xuất của các đương sự và trích diện tích lăng mộ + lối đi giao cho anh Mai Văn Tr quản lý như đề xuất của anh Tr.

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp chia di sản thừa kế thuộc thửa đất số 162, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa 696+653, tờ bản đồ số 14 Bản đồ địa chính) tại xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm c khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền theo lãnh thổ.

Người để lại tài sản cụ Đậu Xuân Tr (tên thường gọi cụ H) mất năm 1989, cụ Nguyễn Thị T (tên thường gọi cụ H) mất năm 2002. Ngày 24/4/2020, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là trong thời hiệu theo quy định tại Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990, hướng dẫn tại tiểu mục b mục 10 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Đậu Thị L, chị Đậu Thị H1, chị Đậu Thị L1, chị Đậu Thị Bích N, anh Nguyễn Đình H, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị L2, chị Nguyễn Thị H4, anh Nguyễn Đình H1 có đơn xin vắng mặt; anh Đậu Xuân Ng và anh Đậu Văn B được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xem xét yêu cầu hủy Quyết định cá biệt:

Thời kỳ hôn nhân, cụ Tr và cụ T xây dựng nhà cửa và sinh sống trên thửa đất số 162, tờ bản đồ số 5 diện tích 1870m² (gồm 200m² đất ở và 1670m² đất vườn), được UBND huyện Nghi Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/10/1997 (khi đó đặc bản đồ địa chính năm 2009, phần đất được chia làm 2 thửa là thửa 696 mục đích sử dụng là LUK và thửa 653 mục đích sử dụng là ONT).

Tại Báo cáo số 20/BC-UBND ngày 24/3/2021, UBND xã P xác định: thửa đất các cụ sử dụng trước ngày 18/12/1980 vào mục đích đất vườn và đất ở, đã được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCNQSD đất với diện tích 1870m² (200m² đất ở và 1670m² đất vườn) theo Nghị định 64CP, đến năm 2002 cụ T mất sau một thời gian hư hỏng không ai sử dụng; bản đồ đo đạc năm 2009 thửa đất được

đo thành 02 thửa là 653 và 696, phía Tây (*theo phần 1 Báo cáo có nêu phía tây thửa đất giáp đường có một phần diện tích là đất chưa sử dụng*) có đo một phần đất UBND xã quản lý phải đo đạc chính lý để trả lại làm hành lang giao thông. Đồng thời trong Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, UBND xã P xác định ranh giới phần diện tích UBND xã quản lý bám trực đường liên xóm và nằm hoàn toàn trong thửa đất số 653, có kích thước 6 cạnh là: 35,14m+31,87m+4,52m+60,94m+1,45m+7,01m, diện tích 652,2m².

Như vậy, có thể thấy, trong các văn bản của UBND xã P ban hành có sự mâu thuẫn, cụ thể: trong Báo cáo cho rằng, phía Tây thửa đất giáp đường có đo 1 phần đất hành lang giao thông còn trong Biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất lại phản ánh phần đất hành lang giao thông thuộc quyền xã quản lý là ở phía Đông thửa đất. Hiện trạng sử dụng đất cũng như Bản đồ 299+Bản đồ địa chính hiện hành đều thể hiện: phía Tây thửa đất là ruộng, không phải là đường giao thông như nội dung Báo cáo của UBND xã P nên rõ ràng là trái pháp luật. Vì vậy, việc các đương sự yêu cầu Tòa án hủy nội dung này trong Báo cáo số 20 của UBND xã P là có căn cứ và cũng phù hợp với đề xuất của đại diện Viện kiểm sát, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2]. Xác định di sản:

Tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, UBND xã P đã cấm mốc và thay đổi mã loại thửa đất 696 từ LUK sang mã ONT cùng mã với thửa 653. Việc thay đổi mã đất của UBND xã P hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của đương sự, của những người làm chứng là người cao tuổi sống cùng thời kỳ các cụ H nên Hội đồng xét xử xác định: toàn bộ thửa đất 696 là loại đất có mã ONT khi xem xét phân chia di sản.

Các đương sự đều thống nhất trích trả một phần diện tích đất phía trước thửa 653 làm hành lang giao thông nhưng không thống nhất về diện tích trích trả. Cụ thể: UBND xã yêu cầu trích 652,2m² còn đương sự chỉ đồng ý trích hành lang với mức 7m sâu vào tính từ ranh giới ngoài cùng phía Đông.

Hội đồng xét xử xét: tại Bản đồ 299 + Sổ mục kê có thể hiện thửa đất 162, tờ bản đồ số 05 thuộc xóm 12 (nay là xóm 5) xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An được đo bao, không xác định rõ ranh giới giữa đất thuộc quyền quản lý của UBND xã với đất của các cá nhân, hộ gia đình nên không thể căn cứ vào tổng diện tích đất thuộc quyền UBND xã quản lý tại thửa 162 để trừ vào khuôn viên đất của các cụ H. Tuy nhiên, phía Đông thửa 162 là thửa số 91+thửa 48 (trong Sổ mục kê thuộc đất UBND xã quản lý) giáp với đường giao thông nông thôn (đường nhỏ và hiện đã thay đổi kích thước), đo trên tờ bản đồ gốc thì đoạn chiều rộng của thửa 91 trước phần đất các cụ H sử dụng $\approx 9m$; ranh giới giữa các thửa là đường thẳng (không phải dạng đa giác có góc nhọn như Biên bản cấm mốc ngày 06/4/2021 do UBND xã P cung cấp). So sánh "Bản đồ 299", "Bản đồ địa chính đo đạc năm 2009", "Danh sách thống kê diện tích, loại đất chủ sử dụng theo hiện trạng" và "Bản đồ địa chính chính lý năm 2016" thì hiện đã không còn thửa 91 mà chỉ còn thửa 653 giáp với đường; con đường đã được mở rộng theo hướng nắn thẳng về phía đất thửa 653 (diện tích thửa 653 bị cắt giảm 121m², nơi

rộng nhất là 3,5m). Như vậy, có thể khẳng định, 1 phần diện tích thửa 91 (Bản đồ 299) đang nằm về phía Đông trong thửa 653 và cũng được sử dụng 1 phần vào mục đích mở rộng đường trước khi Bản đồ địa chính được chỉnh lý năm 2016.

Việc đương sự chấp nhận trích đất hiện trạng làm hành lang giao thông có chiều sâu là 7m (tổng diện tích tính toán được là 492m^2) là tương đối phù hợp với kích thước của thửa đất 91 thời kỳ lập Bản đồ 299 (sau khi trừ phần diện tích đất thửa 653 đã bị cắt giảm khi mở rộng đường sau năm 2009) nên Hội đồng xét xử chấp nhận và phân định ranh giới giữa đất di sản của các cụ với đất hành lang giao thông.

Các đương sự đồng thuận với việc xây mộ và chấp nhận diện tích xây mộ thực tế là 15m^2 nên cần được chấp nhận. Đối với yêu cầu cắt đất làm lối đi vào ngôi mộ có chiều rộng 0,7m thì được đa số các đương sự đồng thuận (trừ bị đơn). Xét: lăng mộ cũng là một loại bất động sản và khu lăng mộ này đang được bao quanh bởi diện tích thửa đất 653, từ khi các cụ còn sống gia đình anh Tr vẫn sử dụng đất để đi vào mộ thắp hương mà không các cụ H không tranh chấp nên việc sử dụng đất đó là hợp pháp, phù hợp với ý chí của các cụ. Do đó, căn cứ Điều 254 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận trừ thêm 28m^2 đất trên thửa 653 (có chiều rộng là 0,7m và chiều dài kéo từ lăng ra đường bờ men theo ranh giới giữa thửa 653 và thửa 654) để anh Tr và những người có nghĩa vụ thờ cúng sử dụng mà không phải bồi hoàn trị giá.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định, di sản của 2 cụ H là $4567\text{m}^2 - 492\text{m}^2$ (đất hành lang giao thông) - 43m^2 (lăng mộ và lối đi vào lăng mộ) = 4032m^2 đất (trong đó có 200m^2 đất ở và 3832m^2 đất vườn gắn liền đất ở) thuộc 2 thửa 653+696, tờ bản đồ số 14 tại xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Diện tích đất chênh lệch 2162m^2 ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được tạm giao cho những người có quyền sử dụng đất để làm thủ tục hành chính theo quy định về quản lý đất đai.

(Riêng ngôi nhà cấp 4 xây năm 2010 -2011 dùng vào mục đích thờ cúng nằm chủ yếu trên phần đất thuộc hành lang giao thông nên không hợp pháp, các đương sự thống nhất tháo dỡ nên hội đồng xét xử không xem xét).

Việc các đương sự tự ý thay đổi hiện trạng tài sản tranh chấp (xây nhà thờ mới) không được sự cho phép của chính quyền địa phương và có lấn ra phần đất chưa được nhà nước công nhận quyền sử dụng thì Tòa án không xem xét trong vụ án này. Việc xử lý do cơ quan quản lý nhà nước về đất đai có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2.1]. Xác định người thừa kế:

Hai cụ sinh được 6 người con là ông H, ông T, bà L3, ông Đ, bà L, bà H. Do các cụ chết không để lại di chúc nên di sản được chia theo pháp luật cho những người thừa kế.

Ông H chết năm 2000 nên bà T và các con là H1, H2, L2, Ng, N là người thừa kế tài sản của ông H (trong đó, những người con là người thừa kế thế vị di sản của cụ T).

Ông T chết năm 2015, anh Q chết năm 2007 nên bà Th các con M, B và các cháu H, Tr là người thừa kế tài sản của ông T (trong đó, cháu H, cháu Tr là người thừa kế thế vị của anh Q).

Bà L3 chết năm 2018, anh L chết năm 2015 nên ông P; các con H3, H, L2, H4, H1 và cháu Th là người được thừa kế di sản của bà L3 (trong đó, cháu Th là người thừa kế thế vị của anh L).

Do đó, căn cứ vào Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xác định, những người thừa kế di sản của 2 cụ gồm: ông Đ; bà L; bà H; bà T và các con là H1, H2, Ng, L1, N; bà Th và các con cháu M, B, H, Tr; ông P và các con cháu H3, H, H4, H1, L3, Th.

[2.3]. Xét yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn.

Kể từ khi 2 cụ chết, các đồng thừa kế đã nhiều lần tổ chức họp bàn thỏa thuận phân chia thừa kế nhưng đều không có đầy đủ những người thừa kế của các cụ tham gia và họ cũng thường xuyên có sự thay đổi ý kiến (chỉ có ông T trước khi chết là người duy nhất không thay đổi thỏa thuận), do đó những lần phân chia trên không hợp lệ. Tại phiên tòa, các đương sự không thống nhất cách phân chia tài sản thừa kế nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650; Điều 660 Bộ luật dân sự 2015, quyết định phân chia thừa kế tài sản của các cụ là 4032m² đất tại thửa 696+653, tờ bản đồ số 14 thuộc xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo pháp luật.

Đối với việc giao kỷ phần thừa kế của những người thừa kế là tự nguyện, không trái đạo đức và vi phạm điều cấm của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc đương sự đồng thuận trích diện tích đất phù hợp với hiện trạng khuôn viên ngôi nhà thờ cúng đang xây dựng dở dang để làm đất thờ cúng trước khi tiến hành phân chia di sản theo pháp luật là phù hợp với đạo lý và truyền thống tốt đẹp của dân tộc nên Hội đồng xét xử chấp nhận trích 128m² đất vườn thuộc thửa 696 giao cho các đương sự đồng sử dụng vào mục đích thờ cúng. Phần diện tích đất còn lại là 3904m² chia đều cho 6 suất thừa kế theo pháp luật, mỗi suất \approx 650m² (gồm \approx 33m² đất ở + 257m² đất vườn + 360m² đất vườn tạm giao).

- Đối với kỷ phần của ông H thì việc phân chia được tính toán như sau:

326m² đất (gồm 17m² đất ở + 129m² đất vườn + 180m² đất vườn tạm giao) thuộc quyền sử dụng của cụ Tr được chia cho bà T và 05 người con, mỗi người được hưởng \approx 54,3m² đất (gồm \approx 2,8m² đất ở + 21,5m² đất vườn + 30m² đất vườn tạm giao) trị giá 60.850.000 đồng.

325m² đất (gồm 17m² đất ở + 128m² đất vườn + 180m² đất vườn tạm giao) thuộc quyền sử dụng của cụ T được chia cho 05 người con ông H, mỗi người

được hưởng 65,5m² đất (gồm ≈ 3,4m² đất ở + 25,6m² đất vườn + 36m² đất vườn tạm giao) trị giá 72.860.000 đồng.

Trong đó, kỷ phần anh Ng là ≈ 119,3m² (trong đó có 6,2m² đất ở và 47,1m² đất vườn + 66m² đất vườn tạm giao) trị giá 133.710.000 đồng. Kỷ phần bà T là 531,7m² (trong đó có 27,8m² đất ở + 209,9m² đất vườn và 294m² đất vườn tạm giao) trị giá 597.340.000 đồng. Do kỷ phần bằng đất của anh Ng là tương đối nhỏ so với đất ở nông thôn nên việc bà T - mẹ anh Ng đề nghị được nhận phần đất của anh Ng và giao lại trị giá 119,3m² đất cho anh Ng là phù hợp với nhu cầu của cả hai bên cũng như sự thuận lợi trong việc thực hiện các quyền năng của chủ sử dụng đất nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bà T.

- Đối với kỷ phần của bà L3 được chia cho 7 suất, mỗi suất 93m² (gồm 4,8m² đất ở và 88,2m² đất vườn) trị giá 104.220.000 đồng trong đó ông P được hưởng 6 suất 558m² (gồm 28,8m² đất ở và 529,2m² đất vườn) trị giá 625.320.000 đồng còn cháu Th được hưởng 01 suất (gồm 4,8m² đất ở và 88,2m² đất vườn) trị giá 104.220.000 đồng. Do diện tích đất của cháu Th nhỏ, nếu chia trên thực địa sẽ không đảm bảo được quyền lợi của cháu và cũng theo di nguyện của bà L3 là nhận thừa kế bằng tiền nên cần chia cho cháu Th kỷ phần thừa kế bằng tiền tương đương 104.220.000 đồng, còn phần đất của cháu giao cho bà T sử dụng như đề xuất của ông P là phù hợp.

- Đối với kỷ phần của ông T được chia cho 4 suất, mỗi suất 162,75m² (8,5m² đất ở và 154,25m² đất vườn). Do cháu H và cháu Tr nhường cho bà Th kỷ phần thừa kế được hưởng nên bà Th được chia 2 suất (gồm 17m² đất ở + 129m² đất vườn + 180m² đất vườn tạm giao) trị giá 364.400.000 đồng. Bà Th đề nghị không phân chia phần của bà riêng biệt với anh B mà để mẹ con tự giải quyết, anh B không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của bà Th, phân chia bằng hiện vật (đất) cho bà Th và anh B đồng sử dụng 488,5m² đất (gồm 25,5m² đất ở + 193m² đất vườn + 270m² đất vườn tạm giao); chia cho anh M 162,5m² (8,5m² đất ở + 64m² đất vườn + 90m² đất vườn tạm giao) trị giá 182.150.000 đồng.

Như vậy, gộp cả phần thừa kế của ông P, anh M, ông Đ, bà L, bà H, anh Ng, cháu Th thì bà T được chia tổng số diện tích đất là 3415,5 m² (trong đó có 174,5m² đất ở + 1349m² đất vườn + 1892m² đất vườn tạm giao) trị giá 3.826.850.000 đồng nhưng bà T có nghĩa vụ giao lại kỷ phần bằng tiền cho anh Ng và cháu Th theo quy định của pháp luật.

(Do nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất việc làm tròn số diện tích đất được chia để thuận lợi trong việc giao đất trên thực địa nên Hội đồng xét xử chấp nhận và chuyển 0,5m² đất vườn tạm giao của bà T sang cho bà Th được hưởng như đề xuất của đương sự. Như vậy, bà T được chia số diện tích đất là 3415m² còn bà Th và anh B được chia 489m²).

Đối với trường hợp người thừa kế thế vị của anh L (cháu Nguyễn Trần Hoài Th) thì kể từ sau khi anh L chết, không ai biết chị H và cháu Th đang cư trú ở đâu. Do đó, cần căn cứ vào khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, tạm giao kỷ phần thừa kế của cháu Th cho người thân thích

hoặc người thừa kế khác quản lý để giải quyết khi có yêu cầu trong một vụ án khác, cụ thể: tạm giao ông P quản lý số tiền 42.857.000 đồng (là phần của cháu trong số tiền 300.000.000 đồng bà T đã giao trước); tạm giao bà T quản lý số tiền 61.363.000 đồng.

[2.4]. Về các chi phí tố tụng.

Nguyên đơn đồng ý chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và không yêu cầu giải quyết đối với chi phí tố tụng này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: do bà T, bà Th là người cao tuổi, thuộc các trường hợp được miễn án phí và có đơn đề nghị nên Hội đồng xét xử cho miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Ng, anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26; Điều 35; Điều 34; Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 658; Điều 660; Điều 254 của Bộ luật dân sự 2015. Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn: hủy phần nội dung "phía Tây có đo một phần đất UBND xã quản lý phải đo đạc chỉnh lý để trả lại làm hành lang đường giao thông" tại mục 4 (Kết luận) trong Báo cáo số 20/BC-UBND ngày 24/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Phân định hành lang giao thông đường thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã P có diện tích 492m² (trên *Sơ đồ phân chia đất có ký hiệu là S4*) với đất di sản thừa kế. Phần đất được định vị:

Phía Đông giáp đường giao thông kích thước 1,45m+60,94m+2,54m;

Phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa 653, kích thước 62,22m;

Phía Nam giáp đường đi, kích thước 7,01m;

Phía Bắc giáp đường bờ, kích thước 3,97m+4,91m

[2]. Trích diện tích đất lăng mộ 15m² và lối đi vào lăng mộ 28m² (chiều rộng 0,7m) tại thửa 653, tờ bản đồ số 14 thuộc xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc,

tỉnh Nghệ An giao cho anh Mai Văn Tr quản lý. Kích thước các cạnh gồm: 0,82m+19,46m+10,84m+6,56m+3,49m+6,24m+7,81m+7,33m. Phần đất này được định vị nằm giữa thửa đất số 654 và thửa đất số 653; có ranh giới giáp với phần đất chia cho bà T và bà Th+anh B thể hiện trên Sơ đồ phân chia đất.

[3]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: chia thừa kế theo pháp luật 4032m² đất tại thửa 696+653, tờ bản đồ số 14 thuộc xóm 5 xã P, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An là di sản của cụ Đậu Xuân Tr - Nguyễn Thị T (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Seri H442931 do UBND huyện Nghi Lộc cấp ngày 25/10/1997 cho chủ sử dụng Nguyễn Thị H là thửa 162, tờ bản đồ số 5).

[3.1]. Trích 128m² đất vườn (gồm 10m² thuộc thửa số 653 và 118m² thuộc thửa số 696) giao cho các đương sự sử dụng chung vào mục đích xây dựng nhà thờ. Ông Đậu Xuân Đ được quyền đại diện cho các đương sự đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện các thủ tục hành chính về quản lý đất đai theo quy định của pháp luật. Phần đất được định vị như sau:

Phía Đông giáp hành lang giao thông đường thuộc quyền quản lý của UBND xã P, kích thước 10,51m;

Phía Nam giáp đường đi giữa thửa 696 và thửa 711, kích thước 13,25m+8,79m;

Phía Tây Bắc giáp phần đất chia cho bà T, kích thước 17,87m+1,85m.

(Ký hiệu trên Sơ đồ phân chia là S3)

[3.2]. Phân chia di sản cho các đồng thừa kế cụ thể như sau:

- Chia cho bà Nguyễn Thị Th và anh Đậu Văn B đồng sử dụng 489m² đất thuộc thửa số 653 (gồm 25,5m² đất ở + 193m² đất vườn + 270,5m² đất vườn tạm giao). Trong đó, kỷ phần của bà Th là 326,5m² đất (gồm 17m² đất ở + 129m² đất vườn + 180,5m² đất vườn tạm giao) trị giá 365.400.000 đồng; kỷ phần của anh B là 162,5m² đất (8,5m² đất ở + 64m² đất vườn + 90m² đất vườn tạm giao) trị giá 182.150.000 đồng. Phần đất được định vị như sau:

Phía Đông giáp hành lang giao thông đường thuộc quyền quản lý của UBND xã P, kích thước 7m;

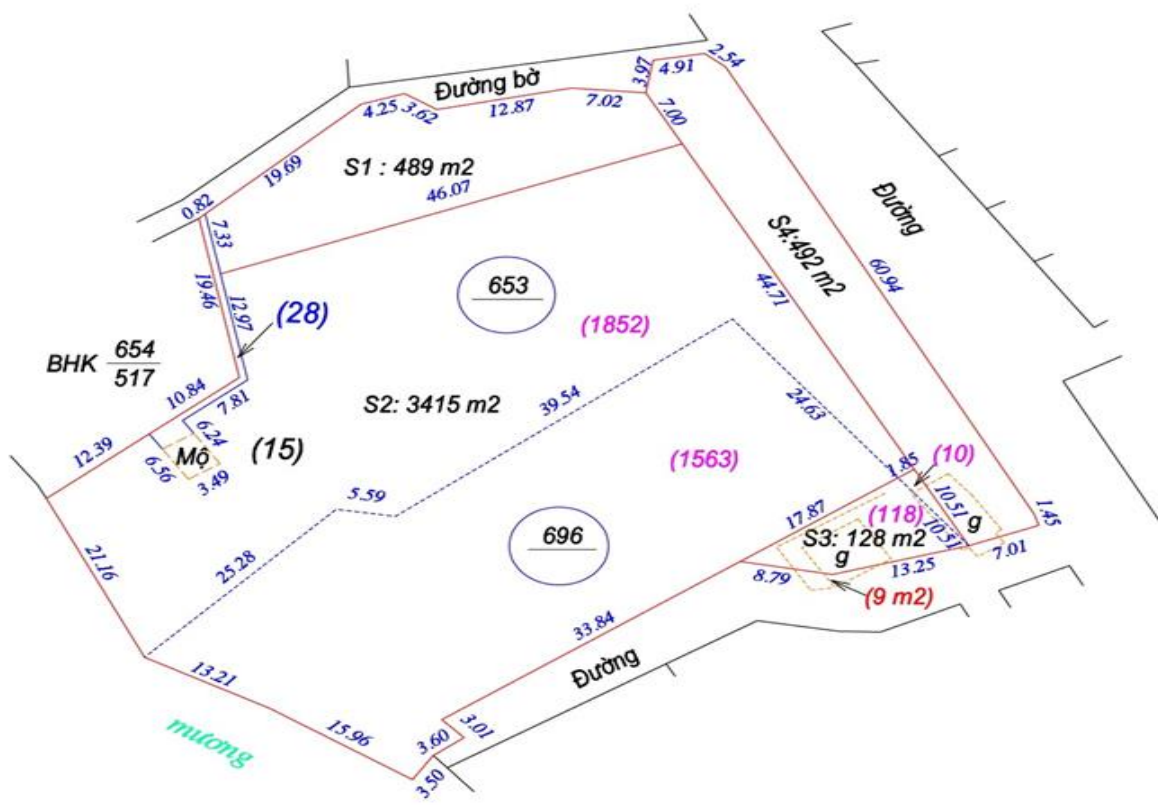
Phía Bắc giáp đường bờ, kích thước 12,87m+7,02m+3,62m+4,25m+19,69m;

Phía Tây giáp lối đi vào lăng mộ, kích thước 7,33m;

Phía Nam giáp phần đất chia cho bà T kích thước 46,07m.

(Ký hiệu trên Sơ đồ phân chia là S1)

- Chia cho bà Nguyễn Thị T 3415 m² (trong đó có 174,5m² đất ở + 1349m² đất vườn + 1891,5m² đất vườn tạm giao) trị giá 3.826.300.000 đồng. Phần đất có 1852m² thuộc thửa số 653 và 1563m² thuộc thửa số 696; được định vị như sau:



[4]. Về chi phí tố tụng: không giải quyết.

[5]. Về án phí:

Miễn án phí chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Th.

Anh Đậu Văn B phải chịu 9.107.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đậu Xuân Ng phải chịu 6.685.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Nghi Lộc;
- Chi cục THADS H. Nghi Lộc;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LUU THỊ HỒNG THỂ